

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN HAI BÀ TRUNG  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/6/2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Hữu Nam**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Đinh Thị Phương Anh**

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Trang**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Lệ Phương** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng** tham gia phiên tòa:  
Bà **Vũ Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **P.T.T.H**, sinh năm 19... - *Có mặt.*

Nơi cư trú: Số ....., ngõ ..., T, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

**2. Bị đơn:** Anh **V.A.T**, sinh năm 19.... - *Có mặt.*

Nơi cư trú: Số ....., ngõ ..., T, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn xin ly hôn ngày 18/11/2019, Bản tự khai ngày 07/01/2020, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải, nguyên đơn là chị **P.T.T.H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V.A.T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/5/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà số ..., ngõ ..., T, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội là nhà của mẹ anh T. Quá trình chung sống, dù có nhiều khó khăn, nhưng vợ chồng đều cố gắng vượt qua, cũng có nhiều lần xảy ra xích mích, nhưng hai bên đều tự hòa giải. Tối ngày 16/11/2019, sau khi vợ chồng đi chơi về, trên đường có xảy ra cãi vã, anh T đã chửi bới, xúc phạm, làm tổn thương lòng tự trọng của chị. Chị phản đối, thì bị anh T đánh vào đầu, mặt và bụng, mặc dù có con của anh chị đang đứng bên cạnh, có bà Tr là hàng xóm chứng kiến và can ngăn. Trước đó, anh T đã vài lần chửi bới, xúc phạm chị, nhưng vì các con, nên chị đành nhẫn nhịn. Tuy nhiên, từ sau ngày 16/11/2019, chị không thể chấp nhận cách xử sự của anh T. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng chưa cần hàng xóm, Công an can thiệp để hòa giải, nhưng sau hơn 10 năm chung sống đã trải qua nhiều thăng trầm, nên quyết định của chị không phải là bỗng bột. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu V.P.H.M, sinh ngày 31/01/20... và cháu V.A.M, sinh ngày 27/7/20..., sức khỏe bình thường. Nay xin ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu H.M, anh T nuôi cháu M, chị không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng cho con. Chị làm việc tại Công ty cổ phần Kiến trúc và Xây dựng C-D, thu nhập 20.000.000 đồng/tháng, trả lương bằng tiền mặt, do Công ty gặp khó khăn, nên mấy tháng gần đây chỉ trả được 3.000.000 đồng/tháng. Sau ly hôn, chị sẽ thuê nhà khác để ở.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị và anh T không có tài sản chung, nhà ở chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh T không có nghĩa vụ chung về tài sản, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản ngày 28/02/2020, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải, bị đơn là anh **V.A.T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị P.T.T.H tự nguyện đăng ký kết hôn

ngày 20/5/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà số ..., ngõ ..., T, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội là nhà của mẹ anh. Quá trình chung sống, anh có trách nhiệm với gia đình, thương yêu vợ con, cư xử hòa nhã trong gia đình và họ hàng hai bên. Hơn 1 năm trở lại đây, vợ chồng phát sinh một số tranh luận về quan điểm sống, nhưng không nghiêm trọng để ảnh hưởng tới cuộc sống gia đình. Các con của anh chị còn nhỏ, không thể thiếu sự chăm sóc, nuôi dạy của bố mẹ. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định tình cảm vẫn còn, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, đời sống chung vẫn duy trì bình thường, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu V.P.H.M, sinh ngày 31/01/20.. và cháu V.A.M, sinh ngày 27/7/20... Trường hợp yêu cầu xin ly hôn của chị H được chấp nhận, anh yêu cầu được nuôi cháu My, chị H nuôi cháu H.M, anh không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng cho con. Anh làm việc tại Công ty TNHH S-C, thu nhập sau thuế khoảng 30.000.000 đồng/tháng. Sau ly hôn, anh tiếp tục ở nhà của mẹ đẻ anh. Chị H đã nghỉ việc ở Công ty cổ phần Kiến trúc và Xây dựng C-D từ tháng 12/2019, không có thu nhập. Toàn bộ chi tiêu hàng tháng của gia đình là tiền lương của anh, do anh đưa cho chị H hàng tuần.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh và chị H không có tài sản chung, nhà ở chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị H không có nghĩa vụ chung về tài sản, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn ngày 15/5/2020, ông P.N.D là bố đẻ của chị P.T.T.H trình bày: Chị H và anh T kết hôn đến nay đã được 11 năm, do tự tìm hiểu, quyết định. Những năm đầu, vợ chồng gặp khó khăn về kinh tế và sinh đẻ, được sự động viên của hai gia đình, anh chị đã vượt qua và sống hạnh phúc. Năm 2015, chị H sinh con gái, năm 2017 sinh con trai, nên việc nuôi con có vất vả, ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm lý của vợ chồng, dẫn đến hiểu lầm, bất hòa, nhưng chưa đến mức quá lớn. Chị H và anh T vẫn còn thương nhau, kính trọng bố mẹ, chăm sóc con chu đáo. Nếu anh chị cầu thị, cởi mở, thương nhau nhiều hơn, thương các con còn quá bé, thương bố mẹ đã già, thì những bất hòa đều tự giải quyết được. Ông đề nghị Tòa án xem xét, cân nhắc, giúp anh chị nhận thức được để khắc phục, sửa chữa.

Tại Đơn ngày 25/5/2020, bà P.T.V.O là mẹ đẻ của anh V.A.T trình bày: Chị H và anh T xảy ra xích mích trong cuộc sống vì hiểu lầm nhau không được giải quyết. Từ trước đến nay, chị H, anh T vẫn thương yêu nhau. Anh T rất ngoan, có việc làm ổn định. Chị H chăm sóc chồng con rất tốt. Bà đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị chung sống và nuôi dạy con.

Tại Biên bản xác minh ngày 01/6/2020, Tổ trưởng Tổ ..., phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội cung cấp: Chị H, anh T kết hôn và về chung sống từ năm 2009, chấp hành tốt các quy định ở địa phương. Quá trình chung sống, nghe nói chị H, anh T bất đồng quan điểm sống, nhưng không rõ nguyên nhân, không thấy anh chị cãi nhau, xô xát.

Tại phiên tòa, chị H không rút đơn xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn, các đương sự giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, không giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị P.T.T.H khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình về việc ly hôn đối với anh V.A.T cư trú tại số ..., ngõ ..., T, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P.T.T.H và anh V.A.T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/5/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Hà Nội, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng

chung sống tại nhà số ....., ngõ ..., T, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều năm hạnh phúc, năm 2015 chị H sinh con gái, năm 2017 chị H sinh con trai, các con đều khỏe mạnh. Chị H, anh T đều có việc làm, thu nhập, trong đó anh T có thu nhập cao, đóng góp chủ yếu vào chi phí sinh hoạt của gia đình. Nay chị H xin ly hôn với lý do bị anh T chửi bới, xúc phạm. Anh T xác nhận vợ chồng có tranh luận về quan điểm sống, nhưng anh vẫn thương yêu chị H. Bố đẻ của chị H và mẹ đẻ của anh T đều xác nhận anh chị còn thương yêu nhau, chỉ vì hiểu lầm mà xảy ra bất đồng. Xét thấy, từ khi kết hôn đến nay, chị H và anh T vẫn sống chung một nhà, cùng nhau thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Thời gian gần đây, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng quan hệ hôn nhân chưa lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung đang diễn ra bình thường, mục đích hôn nhân vẫn đạt được. Tại phiên tòa, anh T hứa cố gắng dành nhiều thời gian hơn nữa để quan tâm, chăm sóc gia đình. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Chị P.T.T.H và anh V.A.T có 02 con chung là cháu V.P.H.M, sinh ngày 31/01/2015 và cháu V.A.M, sinh ngày 27/7/2017. Do yêu cầu ly hôn của chị H không được chấp nhận, nên Tòa án không giải quyết yêu cầu giao nuôi con và cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị P.T.T.H và anh V.A.T xác nhận không có. Do yêu cầu ly hôn của chị H không được chấp nhận và đương sự không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị P.T.T.H, anh V.A.T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị P.T.T.H là nguyên đơn, nên căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.T.T.H đối với anh V.A.T.

2. Về con chung: Không giải quyết yêu cầu giao nuôi con và cấp dưỡng cho con của chị P.T.T.H, anh V.A.T.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị P.T.T.H và anh V.A.T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị P.T.T.H, anh V.A.T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Chị P.T.T.H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003227 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

6. Chị P.T.T.H, anh V.A.T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Hữu Nam**